

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quỳnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Quang Dũng	Ủy viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Trần Trọng Tiến	Ủy viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Đặng Văn Tuyền	Ủy viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Doãn Hữu Đoàn	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Hữu	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Đặng Trần Bảo Tín	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Phạm Gia Trí	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Gia Trí	Giám đốc
Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Gia Trí - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Gia Trí
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Số: 324 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (“Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán số 52/2022/BCKT-AAC đề ngày 07 tháng 02 năm 2022 và báo cáo soát xét số 850/2021/BCSX-AAC đề ngày 12 tháng 8 năm 2021 với ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.560.248.419	20.236.174.186
I. Tiền	110	4	1.160.594.869	2.095.383.859
1. Tiền	111		1.160.594.869	2.095.383.859
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.488.177.982	4.668.884.176
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	18.696.753.039	4.209.738.945
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	20.686.424	500.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	78.572.000	256.232.712
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(307.833.481)	(297.087.481)
IV. Hàng tồn kho	140	9	7.814.635.409	8.410.069.151
1. Hàng tồn kho	141		8.749.711.965	9.392.357.755
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(935.076.556)	(982.288.604)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		96.840.159	61.837.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	96.840.159	61.837.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.077.429.507	1.182.278.040
I. Tài sản cố định	220		957.586.067	1.058.384.600
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	957.586.067	1.058.384.600
- Nguyên giá	222		1.315.932.400	1.315.932.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(358.346.333)	(257.547.800)
II. Tài sản dài hạn khác	260		119.843.440	123.893.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	119.843.440	123.893.440
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.637.677.926	21.418.452.226

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.729.301.338	5.390.693.711
I. Nợ ngắn hạn	310		12.729.301.338	5.390.693.711
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.373.922.208	3.753.287.301
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	8.248.200	79.364.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	596.449.291	479.639.971
4. Phải trả người lao động	314		1.760.197.782	365.808.793
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	483.275.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	74.792.735	58.721.535
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		432.416.122	653.872.111
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.908.376.588	16.027.758.515
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	15.908.376.588	16.027.758.515
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.056.173.177	3.175.555.104
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.625.555.104	1.650.889.270
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.430.618.073	1.524.665.834
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.637.677.926	21.418.452.226



Phạm Gia Trí
Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Lê Quang Dũng
Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	32.048.725.049	28.640.167.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		32.048.725.049	28.640.167.419
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	25.399.065.883	21.271.743.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.649.659.166	7.368.424.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	57.328.123	74.327.311
7. Chi phí bán hàng	25	22	1.093.926.221	1.419.073.878
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.803.247.852	4.080.028.415
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		1.809.813.216	1.943.649.052
10. Thu nhập khác	31		93.498.163	43.231.813
11. Chi phí khác	32		93.498.163	42.600.013
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		-	631.800
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.809.813.216	1.944.280.852
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	379.195.143	417.025.170
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.430.618.073	1.527.255.682
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.431	1.527

Phạm Gia Trí
Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Lê Quang Dũng
Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	15.776.531.362	16.952.305.932
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.643.642.310)	(20.127.408.410)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.005.821.000)	(2.218.122.800)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(262.128.649)	(20.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	49.385.180	57.215.477
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.542.529.367)	(629.713.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.628.204.784)	(5.985.722.861)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.209.582.400)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	93.415.794	151.121.832
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.093.415.794	3.941.539.432
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.400.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.400.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(934.788.990)	(3.344.183.429)
Tiền đầu năm	60	2.095.383.859	6.532.910.988
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	1.160.594.869	3.188.727.559



Phạm Gia Trí
Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022


Lê Quang Dũng
Kế toán trưởng


Lê Quang Dũng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ - TC ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 7 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó, tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2022: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty tại 25 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành, báo, tạp chí bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề (Thành phố Hà Nội)	462A/3, Trần Hưng Đạo - Phường 02 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Phí quản lý xuất bản, phí mua bản quyền ấn phẩm cho các loại sách được phân bổ căn cứ số lượng sách in nhập kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận (Tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp là giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	91.191.242	101.740.101
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.069.403.627	1.993.643.758
Cộng	<u>1.160.594.869</u>	<u>2.095.383.859</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	4.975.183.323	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	3.085.125.000	1.125.465.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	2.770.200.000	522.500.000
Trường Đại học Y khoa Vinh	-	783.390.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	513.000.000	470.250.000
Các đối tượng khác	7.353.244.716	1.308.133.945
Cộng	<u>18.696.753.039</u>	<u>4.209.738.945</u>
Phải thu người bán ngắn hạn là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)</i>	17.054.427.533	2.519.636.080

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nhà máy In Bộ Quốc phòng	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Hà Nội	20.686.424	-
Cộng	<u>20.686.424</u>	<u>500.000.000</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	78.572.000	78.572.000
Lãi dự thu	-	36.087.671
Hồ Thị Bình	-	141.573.041
Cộng	<u>78.572.000</u>	<u>256.232.712</u>

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Việt Thương - Nhà Sách Cảo Thơm	50.234.301	-	50.234.301	-
Sở GD - ĐT Bắc Kạn	45.446.334	-	45.446.334	-
Đối tượng khác	243.226.846	31.074.000	207.406.846	6.000.000
Cộng	<u>338.907.481</u>	<u>31.074.000</u>	<u>303.087.481</u>	<u>6.000.000</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	324.031.520	-	64.609.757	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	19.992.000	-
Thành phẩm	7.460.038.831	(935.076.556)	8.171.674.601	(982.288.604)
Hàng hóa	965.641.614	-	1.136.081.397	-
Cộng	<u>8.749.711.965</u>	<u>(935.076.556)</u>	<u>9.392.357.755</u>	<u>(982.288.604)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	96.840.159	61.837.000
Phí quản lý xuất bản	40.683.159	5.404.400
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	56.157.000	56.432.600
b) Dài hạn	119.843.440	123.893.440
Chi phí bản quyền bộ sách Laros chưa xuất bản	115.093.440	115.093.440
Chi phí mua bản quyền ấn phẩm	4.750.000	8.800.000
Cộng	216.683.599	185.730.440

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	1.315.932.400	1.315.932.400
Số cuối kỳ	1.315.932.400	1.315.932.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số đầu năm	257.547.800	257.547.800
Khấu hao trong kỳ	100.798.533	100.798.533
Số cuối kỳ	358.346.333	358.346.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	1.058.384.600	1.058.384.600
Số cuối kỳ	957.586.067	957.586.067

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 106.350.000 VND.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty CP Nghiên cứu, Ứng dụng và Thực nghiệm công nghệ REAP	4.185.000.000	900.000.000
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông và In bưu điện	2.987.005.216	616.000.000
Nhà máy In Bộ Quốc phòng	1.019.827.940	-
Phải trả nhuận bút các tác giả năm 2021	243.109.301	456.286.301
Công ty CP In Phúc Yên	228.019.862	805.526.040
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	191.321.113	522.547.983
Phải trả người bán khác	519.638.776	452.926.977
Cộng	9.373.922.208	3.753.287.301
Phải thu người bán ngắn hạn là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)</i>	268.896.113	592.547.983

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Hiệu sách Hoàng Hương	-	67.198.000
Các đối tượng khác	8.248.200	12.166.000
Cộng	8.248.200	79.364.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	305.454.148	671.767.804	550.131.125	183.817.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.195.143	379.195.143	262.128.649	162.128.649
Thuế thu nhập cá nhân	11.800.000	114.539.320	236.433.173	133.693.853
Thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	596.449.291	1.167.502.267	1.050.692.947	479.639.971

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí tem	450.000.000	-
Chi phí phải trả khác	33.275.000	-
Cộng	483.275.000	-

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả các khoản trích theo lương	74.792.735	58.721.535
Cộng	74.792.735	58.721.535

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.950.889.270	15.803.092.681
Lãi trong năm	-	-	-	2.024.665.834	2.024.665.834
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Số dư cuối năm trước	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104	16.027.758.515
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104	16.027.758.515
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.430.618.073	1.430.618.073
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Trích quỹ (*)	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối kỳ này	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.056.173.177	15.908.376.588

Ghi chú:

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 87/NQ-ĐH-DN ngày 05 tháng 4 năm 2022 đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021 là 14%/Vốn điều lệ (một cổ phần nhận 1.400 VND). Và Đại hội đã thông qua việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.173.000.000	21,73%	2.173.000.000	21,73%
Trần Thị Thu Hằng	1.530.000.000	15,30%	1.530.000.000	15,30%
Đặng Trần Bảo Tín	1.030.200.000	10,30%	1.030.200.000	10,30%
Phạm Lê Tú Uyên	1.020.000.000	10,20%	1.020.000.000	10,20%
Đặng Hồng Thi	499.800.000	5,00%	499.800.000	5,00%
Các cổ đông khác	3.747.000.000	37,47%	3.747.000.000	37,47%
	10.000.000.000	100%	10.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Nợ khó đòi đã xử lý

Tên đơn vị	Giá trị	Nguyên nhân
	VND	
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán sách các loại	14.797.516.049	19.038.304.089
Doanh thu khác	17.251.209.000	9.601.863.330
Cộng	32.048.725.049	28.640.167.419
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)</i>	25.411.476.454	24.603.864.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán sách các loại	10.363.938.751	13.124.067.454
Giá vốn khác	15.082.339.180	8.208.266.437
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(47.212.048)	(60.590.506)
Cộng	<u>25.399.065.883</u>	<u>21.271.743.385</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.328.123	74.327.311
Cộng	<u>57.328.123</u>	<u>74.327.311</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	861.012.947	937.370.553
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	134.090.716	188.116.775
Chi phí thuê kho, cửa hàng	150.000.000	217.800.000
Chi phí khác	(51.177.442)	75.786.550
Cộng	<u>1.093.926.221</u>	<u>1.419.073.878</u>
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	2.751.828.142	2.997.836.586
Chi phí khấu hao TSCĐ	100.798.533	50.399.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.128.538	198.447.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.746.000	562.500
Chi phí bằng tiền khác	538.746.639	832.783.062
Cộng	<u>3.803.247.852</u>	<u>4.080.028.415</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND (Trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu vật liệu	61.776.102	88.961.268
Chi phí nhân công	3.961.164.139	5.806.243.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.798.533	50.399.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.097.855.122	12.618.293.998
Chi phí khác bằng tiền	1.246.630.309	1.471.868.074
Cộng	<u>14.468.224.205</u>	<u>20.035.766.321</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.809.813.216	1.944.280.852
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	86.162.500	140.845.000
Các khoản chi phí không được khấu trừ	86.162.500	140.845.000
- Chi phí không hợp lệ	86.162.500	59.955.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	-	80.890.000
Thu nhập chịu thuế	1.895.975.716	2.085.125.852
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	379.195.143	417.025.170

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán là 86.162.500 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.430.618.073	1.527.255.682
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.430.618.073	1.527.255.682
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.431	1.527

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, do trong kỳ, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 (Công ty không xác định chính xác số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của 6 tháng đầu năm 2021).

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Sách và xuất bản phẩm	Tem công nghệ và bài thi điện tử	Hàng hóa khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.797.516.049	14.252.740.000	2.998.469.000	32.048.725.049
Giá vốn bộ phận	10.316.726.703	12.154.549.180	2.927.790.000	25.399.065.883
Kết quả kinh doanh bộ phận	4.480.789.346	2.098.190.820	70.679.000	6.649.659.166
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.369.108.086	8.712.075.000	1.558.984.333	28.640.167.419
Giá vốn bộ phận	12.577.058.443	7.487.900.080	1.206.784.862	21.271.743.385
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.792.049.643	1.224.174.920	352.199.471	7.368.424.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.160.594.869	2.095.383.859
Nợ thuần	(1.160.594.869)	(2.095.383.859)
Vốn chủ sở hữu	15.908.376.588	16.027.758.515
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.160.594.869	2.095.383.859
Phải thu khách hàng	18.388.919.558	3.912.651.464
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	78.572.000	256.232.712
Tổng cộng	19.628.086.427	11.264.268.035
Công nợ trả tài chính		
Phải trả người bán	9.373.922.208	3.753.287.301
Chi phí phải trả	483.275.000	-
Tổng cộng	9.857.197.208	3.753.287.301

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỉ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.160.594.869	-	1.160.594.869
Phải thu khách hàng	18.388.919.558	-	18.388.919.558
Các khoản phải thu khác	78.572.000	-	78.572.000
Tổng cộng	19.628.086.427	-	19.628.086.427
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán	9.373.922.208,00	-	9.373.922.208
Chi phí phải trả	483.275.000	-	483.275.000
Tổng cộng	9.857.197.208	-	9.857.197.208
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.770.889.219	-	9.770.889.219
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tài sản chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.095.383.859	-	2.095.383.859
Phải thu khách hàng	3.912.651.464	-	3.912.651.464
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	256.232.712	-	256.232.712
Tổng cộng	11.264.268.035	-	11.264.268.035
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán	3.753.287.301	-	3.753.287.301
Tổng cộng	3.753.287.301	-	3.753.287.301
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.510.980.734	-	7.510.980.734

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty có các số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	17.054.427.533	2.519.636.080
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	844.000	3.504.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	22.167.600	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.616.847.980	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	980.324.300	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	4.975.183.323	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.717.753.250	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	3.085.125.000	1.125.465.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	513.000.000	470.250.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	2.770.200.000	522.500.000
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	12.103.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.360.879.080	397.917.080
Phải trả người bán ngắn hạn	268.896.113	592.547.983
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.000.000	10.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	191.321.113	522.547.983
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	66.575.000	60.000.000

Giao dịch với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Bán hàng	25.411.476.454	24.603.864.753
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	490.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	5.975.500.000	3.325.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.090.000.000	1.090.600.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	4.489.500.000	3.087.975.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	22.167.600	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	1.916.847.980	2.890.325.440
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung	980.324.300	1.488.660.620
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	5.974.904.657	7.430.954.353
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.217.753.250	3.061.976.860
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	962.962.000	1.183.372.480
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	11.526.667	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	769.500.000	1.045.000.000
Mua hàng, dịch vụ	981.441.080	1.590.799.580
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.000.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	868.773.130	1.093.404.400
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hà Nội	100.800.000	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	6.575.000	-
Công ty CP Sách Dân tộc	3.313.150	71.383.680
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	979.800	71.442.000
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	-	354.569.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Ban lãnh đạo được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức danh	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Phạm Quỳnh (*)	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	22.500.000
Nguyễn Công Dũng (**)	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	-
Ông Doãn Hữu Đoàn (**)	Ủy viên HĐQT	10.500.000	-
Ông Đặng Văn Tuyển (*)	Ủy viên HĐQT	4.200.000	19.700.000
Bà Nguyễn Thị Hữu (**)	Ủy viên HĐQT	10.500.000	-
Bà Đặng Trần Bảo Tín (**)	Ủy viên HĐQT	10.500.000	-
Ông Phạm Gia Trí	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	286.539.400	308.235.400
Ông Lê Quang Dũng (*)	Ủy viên	11.700.000	19.700.000
Ông Trần Trọng Tiến (*)	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc	150.333.700	149.612.700
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc	100.526.700	23.579.900
Cộng		605.799.800	543.328.000

Ghi chú:

(*) Các thành viên HĐQT đã miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022;

(**) Các thành viên HĐQT đã bỏ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.



Phạm Gia Trí
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Lê Quang Dũng
Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng
Người lập biểu